

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh
và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1662/TTr-SNNMT ngày 22/9/2026 về việc đề nghị phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Báo cáo thẩm định số 196/BCTĐ-STP ngày 14/8/2026 của Sở Tư pháp và các hồ sơ có liên quan);

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và quy mô thủy lợi nội đồng đối với các công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và đã được đưa vào khai thác, sử dụng phục vụ sản xuất, dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Quyết định này không áp dụng đối với các công trình thủy lợi có giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được tính vào thành phần vốn nhà nước tại các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi.

2. Đối tượng áp dụng

a) UBND các xã, phường.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Công trình hoặc hạng mục công trình thủy lợi được phân cấp cho cấp nào thì cấp đó có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, quy trình vận hành, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả công trình. Trường hợp trong cùng một hệ thống công trình thủy lợi có từ hai cấp quản lý trở lên thì cấp quản lý cao hơn chủ trì, phối hợp với các cấp quản lý liên quan tổ chức vận hành hệ thống theo quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm an toàn công trình và hài hòa lợi ích chung.

2. Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan; kế thừa, thuận lợi trong quá trình quản lý, khai thác nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ của công trình.

Điều 3. Quy mô thủy lợi nội đồng

Quy mô thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng địa hình như sau:

a) Khu vực miền núi (các xã miền núi): Nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha.

Việc xác định xã miền núi thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Khu vực đồng bằng (các xã, phường còn lại): Nhỏ hơn hoặc bằng 200 ha.

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, cấp nước trong phạm vi một xã, phường trên địa bàn, cụ thể:

1. Các hồ chứa nước có dung tích nhỏ hơn 500.000 m³ hoặc nhỏ hơn 300.000 m³ nước mà hạ du là vùng dân sinh tập trung, khu kinh tế trọng điểm của tỉnh hoặc hồ chứa có chiều cao đập nhỏ hơn 10 m.

2. Các đập dâng có chiều cao đập nhỏ hơn 10 m.

3. Các trạm bơm có tổng lưu lượng thiết kế dưới 3.600 m³/h.

4. Các cống tiêu, thoát lũ, cống ngăn mặn, giữ ngọt (trừ cống qua đê) có tổng chiều rộng thoát nước nhỏ hơn 10 m.

5. Các công trình thủy lợi kể từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác trên địa bàn xã, phường.

6. Các kênh tiêu không thuộc hệ thống các công trình thủy lợi đầu mối (trạm bơm, cống) nằm trong phạm vi địa giới hành chính của một xã, phường.

Điều 5. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi được phân cấp theo quy định tại Điều 4 Quyết định này và quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/11/2026.

2. Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tô Anh Dũng